

# MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH BƯỚC ĐẦU VỀ CHÍNH SÁCH BẢO TỒN NGÔN NGỮ BẢN ĐỊA Ở CHÂU PHI

## Preliminary observations on indigenous language preservation policies in Africa

VŨ THỊ THANH\*

Ngày nhận bài: 09/9/2025, ngày gửi phản biện: 15/9/2025, ngày duyệt đăng: 26/9/2025

Bài viết trình bày một số nhận định bước đầu về tiến trình thể chế hóa chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi từ năm 2000 đến nay trong bối cảnh hậu thuộc địa. Dựa trên lý thuyết ngôn ngữ học - xã hội học hậu thuộc địa và quan điểm “đa ngữ để phát triển”, nghiên cứu phân tích sự chuyển đổi từ cách nhìn nhận ngôn ngữ bản địa như trở ngại của hiện đại hóa sang coi đa ngữ là nguồn lực phát triển và công bằng tri thức. Bằng phương pháp phân tích chính sách so sánh, bài viết chỉ ra rằng chính sách ngôn ngữ ở châu Phi đã chuyển từ giai đoạn biểu tượng (2000 - 2010) sang thể chế hóa thực chất (2010 - nay), gắn với mở rộng giáo dục đa ngữ, đổi mới công nghệ và sự tham gia của cộng đồng. Tuy nhiên, tiến trình này vẫn chịu ảnh hưởng của phân tầng ngôn ngữ và hạn chế thể chế. Bài viết nhấn mạnh vai trò liên kết giữa nhà nước, học giới, công nghệ và cộng đồng để bảo tồn ngôn ngữ trở thành động lực phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Châu Phi, chính sách ngôn ngữ, đa ngữ, hậu thuộc địa, ngôn ngữ bản địa.

*The article presents some preliminary reflections on the institutionalization process of indigenous language preservation policies in Africa from 2000 to the present within a postcolonial context. Drawing on postcolonial sociolinguistic theory and the perspective of “multilingualism for development,” the study analyzes the paradigm shift from viewing indigenous languages as obstacles to modernization to recognizing multilingualism as a vital resource for development and epistemic justice. Using a comparative policy analysis approach, the article demonstrates that African language policy has evolved from a symbolic phase (2000 - 2010) to one of substantive institutionalization (2010 - present), characterized by the expansion of multilingual education, technological innovation, and community participation. Nevertheless, this process remains constrained by linguistic hierarchies and institutional limitations. The article underscores the crucial interconnection among the state, academia, technology, and communities in transforming language preservation into a driver of sustainable development.*

**Keywords:** Africa, language policy, multilingualism, postcolonialism, indigenous languages.

\* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi; Email: [vuthanhiam@gmail.com](mailto:vuthanhiam@gmail.com)

## **Mở đầu**

Châu Phi là khu vực có sự đa dạng ngôn ngữ cao nhất thế giới với gần 3.000 ngôn ngữ, song cũng là nơi có tốc độ mai một ngôn ngữ diễn ra nhanh nhất. Nhiều ngôn ngữ chỉ còn vài nghìn người nói, thậm chí đứng trước nguy cơ biến mất trong một thế hệ (UNESCO, 2020). Trong bối cảnh đó, ngôn ngữ bản địa không chỉ là di sản văn hóa mà còn là vấn đề phát triển, bởi nó gắn liền với quyền giáo dục, quyền tiếp cận tri thức và bản sắc cộng đồng. Tuy nhiên, di sản thuộc địa để lại một trật tự ngôn ngữ bất bình đẳng, khi tiếng Anh, Pháp, Bồ Đào Nha tiếp tục thống trị không gian công, trong khi ngôn ngữ bản địa bị giới hạn trong đời sống. Do đó, việc nghiên cứu tiến trình thể chế hóa chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi mang ý nghĩa cấp thiết không chỉ về học thuật mà còn về chính trị - xã hội và nhân văn.

Xuất phát từ tính cấp thiết đó, bài viết tiến hành tiến trình phân tích tổng quan chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi từ năm 2000 đến nay, chỉ ra sự chuyển dịch từ chính sách mang tính biểu tượng sang chính sách thực chất. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong hai thập niên qua, nhiều quốc gia đã tích hợp tiếng mẹ đẻ vào giáo dục, hành chính và công nghệ, song vẫn tồn tại các rào cản thể chế, định kiến xã hội và khoảng trống phối hợp liên ngành. Qua đó, bài viết đề xuất hướng tiếp cận bảo tồn ngôn ngữ theo mô hình “liên kết cộng đồng - học giới - nhà nước - công nghệ”, như một giải pháp bền vững cho các xã hội hậu thuộc địa.

Mặc dù chính sách ngôn ngữ ở châu Phi đã thu hút sự quan tâm của giới học thuật quốc tế, song phần lớn các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào khía cạnh giáo dục song ngữ (Heugh et al., 2007; Benson & Kosonen, 2013), hoặc các vấn đề quyền ngôn ngữ (Bamgbose, 2011), mà chưa phân tích đầy đủ mối liên hệ giữa chính sách ngôn ngữ, chuyển đổi số và quyền văn hóa. Ngoài ra, ít công trình xem xét tiến trình chính sách như một chuỗi chuyển hóa, từ thể chế hóa đến xã hội hóa, trong mối quan hệ giữa nhà nước, cộng đồng và các tổ chức quốc tế. Bài viết này nhằm lấp đầy khoảng trống đó, bằng cách đặt chính sách ngôn ngữ trong một khung phân tích liên ngành, kết hợp xã hội học ngôn ngữ, chính trị học hậu thuộc địa và nhân học văn hóa. Trên nền tảng đó, bài viết lựa chọn khung lý thuyết ngôn ngữ học xã hội hậu thuộc địa, coi ngôn ngữ là biểu tượng quyền lực, bản sắc và công cụ tái sản xuất bất bình đẳng xã hội (Mazrui & Mazrui, 1998; Lanza & Woldemariam, 2009). Kết hợp với quan điểm đa ngữ để phát triển (multilingualism for development), bài viết tiếp cận chính sách ngôn ngữ như một quá trình thương lượng giữa các cấp thể chế và cộng đồng. Phương pháp chủ yếu là phân tích chính sách so sánh, sử dụng tư liệu thứ cấp từ các báo cáo của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), Liên minh Châu Phi (AU), Viện Hàn lâm Ngôn ngữ Châu Phi (ACALAN), cùng các nghiên cứu học thuật đương đại để nhận diện xu hướng, rào cản và điều kiện bảo tồn bền vững. Trên cơ sở đó, bài viết được triển khai thành bốn phần chính: (1) Thể chế hóa chính sách giai đoạn 2000 - 2010; (2) Mở rộng và củng cố chính sách 2010 -2020; (3) Chuyển đổi số và xã hội hóa chính sách từ năm 2020 đến nay; và (4) Một số nhận định, đánh giá và kết luận.

## 1. Thể chế hóa chính sách ngôn ngữ của châu Phi giai đoạn 2000 - 2010

Bước vào thế kỷ XXI, các quốc gia châu Phi đối diện hai yêu cầu song hành: củng cố tính thống nhất quốc gia và khẳng định bản sắc đa ngữ hậu thuộc địa. Nếu như trong nửa cuối thế kỷ XX, tiếng bản địa từng bị xem là yếu tố cản trở hiện đại hóa, thì từ đầu những năm 2000, quan điểm này dần được thay thế bằng nhận thức “đa ngữ để phát triển” (Bamgbose, 2011). Sự thay đổi này không chỉ phản ánh tiến trình hoàn thiện thể chế mà còn gắn với yêu cầu thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs), nơi giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ được coi là điều kiện tiên quyết để đạt công bằng tri thức (UNESCO, 2003, 2008). AU cùng các tổ chức quốc tế như UNESCO, Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) đã đóng vai trò xúc tác cho quá trình chuyển đổi tư duy này. Tuyên bố Bamako<sup>1</sup> về quyền ngôn ngữ (2000) khẳng định tiếng bản địa là điều kiện để người dân thực hiện quyền cơ bản trong giáo dục và hành chính, đồng thời dẫn tới việc thành lập ACALAN năm 2001. Từ đó, nhiều chính phủ bắt đầu nhìn nhận ngôn ngữ bản địa như nền tảng mở rộng quyền công dân và củng cố tính chính danh chính trị. Ở Nam Phi, Hiến pháp 1996 công nhận 11 ngôn ngữ chính thức và đặt nền tảng cho khung chính sách quốc gia (NLPF, 2003), nhằm đảm bảo bình đẳng thực chất giữa các ngôn ngữ. Uganda, Mozambique và Ethiopia cũng triển khai mô hình giáo dục song ngữ, cho phép sử dụng tiếng mẹ đẻ trong bậc tiểu học nhằm giảm tỷ lệ bỏ học và tăng hiệu quả học tập (Kyeyune, 2003; Benson & Kosonen, 2012). Các chương trình thí điểm như ở Ethiopia và Namibia cho thấy khả năng đọc viết và tư duy logic của học sinh được cải thiện rõ rệt (UNESCO, 2006). Tuy nhiên, giai đoạn này vẫn mang tính thử nghiệm và chịu nhiều giới hạn về tài chính, nhân lực và định kiến xã hội. Việc thiếu giáo viên song ngữ, tài liệu chuẩn hóa và quan niệm “ngôn ngữ bản địa kém giá trị kinh tế” khiến chính sách chưa thể mở rộng trên toàn quốc. Dẫu vậy, đây là thời kỳ định hình tư tưởng nền tảng, chuyển từ quản trị đơn ngữ sang mô hình đa ngữ thể chế, tạo tiền đề cho giai đoạn cải cách sâu rộng sau năm 2010.

## 2. Mở rộng chính sách và hướng tới giáo dục đa ngữ bền vững giai đoạn 2010 - 2020

Sau năm 2010, chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi bước sang giai đoạn mở rộng và chuẩn hóa thể chế. Trọng tâm chính sách không còn dừng ở việc công nhận trên văn bản pháp luật mà còn được triển khai thực chất trong giáo dục, truyền thông và đời sống công. Động lực quan trọng của giai đoạn này là Khuyến nghị năm 2016 của UNESCO về giáo dục đa ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ (MTB-MLE), kêu gọi các quốc gia chuyển từ mô hình song ngữ chuyển tiếp sang giáo dục đa ngữ bền vững (UNESCO, 2016). Theo khuyến nghị này, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ không chỉ dừng ở bậc tiểu học mà mở rộng sang đào tạo nghề, truyền thông và phát triển kỹ năng. Các quốc gia như Malawi, Mozambique và Nam Phi đã thể chế hóa nguyên tắc đó trong chương trình giáo dục quốc gia. Tại Malawi, chính sách Local Language Policy (2014) quy định sử dụng

<sup>1</sup> Tuyên bố Bamako là văn kiện chính sách đầu tiên của châu Phi khẳng định quyền ngôn ngữ là quyền con người cơ bản.

bảy ngôn ngữ bản địa (Chichewa, Yao, Tumbuka...) làm ngôn ngữ giảng dạy ở bậc tiểu học, giúp giảm 17% tỷ lệ bỏ học và tăng gấp đôi khả năng đọc hiểu (UNESCO, 2020). Ở Nam Phi, chính sách IIAL<sup>2</sup> (2014) yêu cầu mọi trường công dạy ít nhất một ngôn ngữ châu Phi, qua đó khẳng định vai trò tiếng mẹ đẻ trong bản sắc và bình đẳng giáo dục (Department of Basic Education, 2014). Những chính sách này cho thấy sự chuyển hướng từ “đa ngữ biểu tượng” sang “đa ngữ thực chất”. Ngôn ngữ bản địa được công nhận như ngôn ngữ học thuật chính thức, đóng vai trò trong kiểm định, thi cử và truyền thông công. Đồng thời, việc gắn kết bảo tồn ngôn ngữ với các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG 4 và SDG 10) đã giúp các chính phủ coi đây là công cụ giảm bất bình đẳng và tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục. Tuy nhiên, những tiến bộ này vẫn đi kèm nhiều thách thức. Nhiều quốc gia thiếu khung ngân sách ổn định, thiếu giám sát độc lập, và phụ huynh ở đô thị vẫn giữ định kiến “tiếng mẹ đẻ làm giảm cơ hội kinh tế”. Hơn nữa, tình trạng phân tầng ngôn ngữ tiếp tục tái sản xuất bất bình đẳng xã hội, khi tiếng thuộc địa vẫn chi phối hành chính và giáo dục đại học (Mazrui & Mazrui, 1998; Trudell, 2016). Dẫu vậy, giai đoạn 2010 - 2020 đánh dấu bước hoàn thiện về thể chế, từ thí điểm sang chính sách quốc gia, từ giáo dục cơ bản sang phát triển toàn diện, tạo đà cho bước chuyển khi công nghệ và cộng đồng trở thành trung tâm của bảo tồn ngôn ngữ.

### **3. Chuyển đổi số và xã hội hóa chính sách ngôn ngữ từ năm 2020 đến nay**

Từ năm 2020, cùng với làn sóng chuyển đổi số toàn cầu, châu Phi chứng kiến sự xuất hiện mạnh mẽ các sáng kiến công nghệ trong bảo tồn và phổ cập ngôn ngữ bản địa. Việc số hóa dữ liệu, phát triển kho ngữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào xử lý ngôn ngữ tự nhiên đã mở ra kỷ nguyên mới cho bảo tồn ngôn ngữ, nơi tiếng bản địa không chỉ được “lưu giữ” mà còn được “tái sinh” trong không gian số. Các dự án như African Languages Technology Initiative (ALT-i) tại Nigeria đã phát triển công cụ kiểm tra chính tả, từ điển điện tử và phần mềm học ngôn ngữ Yoruba, Hausa, Igbo (Adegbola, 2020). Tại Ethiopia, Viện Công nghệ Addis Ababa xây dựng hệ thống nhận diện tiếng nói cho ngôn ngữ Oromo, Amharic và Tigrinya, phục vụ chatbot giáo dục và chính phủ điện tử. Những nỗ lực này không chỉ góp phần bảo tồn ngôn ngữ mà còn thúc đẩy sự phát triển nội dung số bằng ngôn ngữ bản địa, nơi tiếng mẹ đẻ trở thành công cụ sáng tạo và giao tiếp trong các nền tảng trực tuyến (Bird, 2020).

Song song với đó, các tổ chức ngôn ngữ và cộng đồng bản ngữ nổi lên như chủ thể trung tâm của chính sách. Các nhóm Maasai và Hadza<sup>3</sup> (Tanzania) tự tổ chức lớp học tiếng, kể chuyện dân gian và số hóa di sản qua video, podcast; Viện Hàn lâm Yoruba (Yoriba Academy - Nigeria) khởi xướng phong trào “Tự hào nói tiếng mẹ đẻ”; Dự án sách truyện Châu Phi (African Storybook Project) đã xuất bản trực tuyến hơn 3.000

---

<sup>2</sup> Chính sách IIAL (viết tắt của *Incremental Introduction of African Languages*) là một chương trình quốc gia về giáo dục đa ngữ tại Nam Phi, được xem là mô hình tiên phong trong việc thể chế hóa ngôn ngữ bản địa trong hệ thống giáo dục công.

<sup>3</sup> Là những cộng đồng bản địa tiêu biểu ở Đông Phi, thường được đưa vào nghiên cứu trong lĩnh vực nhân học ngôn ngữ và bảo tồn văn hóa - ngôn ngữ truyền thống.

đầu sách thiếu nhi bằng hơn 200 ngôn ngữ châu Phi. Đây là minh chứng cho sự chuyển dịch từ mô hình “trên xuống” (top-down) sang “từ dưới lên” (bottom-up), nơi cộng đồng không còn là đối tượng thụ hưởng mà trở thành chủ thể chính sách (Grenoble & Whaley, 2006). Tuy nhiên, tiến trình này vẫn gặp không ít rào cản. Hạ tầng công nghệ không đồng đều khiến hơn một nửa dân số nông thôn chưa thể tiếp cận Internet tốc độ cao (GSMA, 2022). Nhiều ngôn ngữ chưa có mã hóa Unicode hoặc bộ chữ viết chuẩn, làm hạn chế khả năng tham gia vào không gian số. Ngoài ra, việc thiếu nguồn nhân lực bản địa có kỹ năng kỹ thuật khiến các dự án số hóa phụ thuộc vào chuyên gia nước ngoài, đe dọa tính bền vững lâu dài (Simons & Lewis, 2018). Mặc dù vậy, giai đoạn sau năm 2020 đánh dấu sự chuyển hướng chiến lược trong chính sách ngôn ngữ: từ bảo tồn sang phát triển, từ duy trì sang sáng tạo. Việc kết hợp giữa chuyển đổi số, giáo dục đa ngữ và xã hội hóa chính sách cho thấy nỗ lực của châu Phi trong việc tái định vị tiếng mẹ đẻ không chỉ như di sản văn hóa mà còn là tài nguyên tri thức và kinh tế của thời đại mới. Chính ở đây, quá trình bảo tồn ngôn ngữ bản địa được nhìn nhận như một phần không thể tách rời của chiến lược phát triển bền vững, công bằng và bản sắc châu Phi thế kỷ XXI.

#### **4. Một số nhận định và đánh giá**

Sau hơn hai thập niên vận động, tiến trình thể chế hóa và phát triển chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi đã đạt được những kết quả quan trọng, song cũng bộc lộ nhiều giới hạn mang tính cấu trúc và nhận thức. Việc xem xét lại toàn bộ quá trình này cho phép nhận diện rõ hơn những đặc điểm nổi bật, những nghịch lý nội tại và những xu hướng đang hình thành trong không gian chính sách ngôn ngữ của châu lục. Từ đó, có thể rút ra một số nhận định và đánh giá bước đầu về những thành tựu, khó khăn và ý nghĩa sâu xa của chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi trong bối cảnh hậu thuộc địa và toàn cầu hóa hiện nay.

Nhìn tổng thể, tiến trình thể chế hóa và phát triển chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi thể hiện một xu hướng tiến bộ rõ rệt cả về nhận thức và hành động. Các quốc gia châu Phi đã chuyển từ tư duy “ngôn ngữ bản địa là trở ngại của hiện đại hóa” sang coi “đa ngữ là nguồn lực phát triển”. Sự thay đổi đó gắn liền với quá trình dân chủ hóa xã hội, mở rộng giáo dục phổ cập và khẳng định bản sắc quốc gia hậu thuộc địa. Ngôn ngữ bản địa dần trở thành một trụ cột trong xây dựng bản sắc và công bằng tri thức, góp phần nâng cao năng lực tự chủ văn hóa của các cộng đồng địa phương. Về phương diện thể chế, sự ra đời của các khung chính sách khu vực và quốc gia như Tuyên bố Bamako (2000), Khung chính sách ngôn ngữ Nam Phi (2003) hay Chính sách ngôn ngữ địa phương Malawi (2014) cho thấy bước tiến trong hợp pháp hóa quyền ngôn ngữ. Ở cấp độ châu lục, AU và ACALAN đóng vai trò điều phối, giúp các chính phủ nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của đa ngữ trong phát triển. Song song với đó, UNESCO cũng thúc đẩy việc gắn bảo tồn ngôn ngữ với các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), coi giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ là yếu tố thiết yếu để đạt công bằng xã hội. Tuy nhiên,

cần thừa nhận rằng tiến trình này vẫn chưa đạt được sự cân bằng giữa ý chí chính trị và năng lực thực thi. Ở nhiều quốc gia, chính sách ngôn ngữ vẫn dừng lại ở mức biểu tượng, thiếu cơ chế ràng buộc và nguồn lực ổn định. Các chương trình giáo dục song ngữ hoặc đa ngữ thường phụ thuộc vào viện trợ quốc tế, thiếu đội ngũ giáo viên và tài liệu chuẩn hóa (Heugh et al., 2007; Bamgbose, 2011). Khoảng cách giữa hoạch định và thực thi khiến quyền ngôn ngữ nhiều khi tồn tại chủ yếu trong diễn ngôn chính trị, trong khi thực tế giáo dục và hành chính vẫn bị chi phối bởi ngôn ngữ thuộc địa. Một vấn đề khác là sự phân tầng giữa các ngôn ngữ bản địa. Chỉ một số ngôn ngữ lớn như Swahili, Hausa, Yoruba hay Amharic được công nhận và thể chế hóa, trong khi hàng trăm ngôn ngữ nhỏ hơn vẫn bị gạt ra ngoài chính sách. Hệ quả là hình thành dạng “đa ngữ chọn lọc”, tạo ra những bất bình đẳng mới giữa các cộng đồng nói tiếng thiểu số. Sự bất cân đối này phản ánh mâu thuẫn giữa đa dạng biểu trưng và đồng nhất hành chính, một nghịch lý cố hữu của các quốc gia hậu thuộc địa (Lanza & Woldemariam, 2009).

Dưới góc nhìn xã hội học ngôn ngữ, có thể nhận thấy xu hướng chuyển dịch từ mô hình “trên xuống” (top-down) sang kết hợp với “từ dưới lên” (bottom-up) trong hoạch định và triển khai chính sách. Cộng đồng bản ngữ, các tổ chức xã hội và dân sự và doanh nghiệp công nghệ đang trở thành những chủ thể năng động, góp phần xã hội hóa công tác bảo tồn ngôn ngữ. Những sáng kiến như Dự án sách truyện Châu Phi, các ứng dụng học tiếng mẹ đẻ, hay dự án số hóa ngữ liệu địa phương đã giúp tiếng bản địa không chỉ được bảo tồn mà còn được “sống” trong không gian kỹ thuật số và sáng tạo đương đại. Tuy nhiên, mức độ thể chế hóa các sáng kiến cộng đồng này vẫn còn hạn chế; nhiều hoạt động mang tính tự phát, thiếu cơ chế phối hợp và tài chính ổn định để duy trì lâu dài. Tựu trung, chính sách bảo tồn ngôn ngữ ở châu Phi có thể xem là một tiến trình đang vận động mạnh nhưng chưa hoàn thiện. Những thành tựu đáng ghi nhận là sự trưởng thành về nhận thức chính trị - xã hội, sự lan tỏa của giáo dục đa ngữ và vai trò ngày càng rõ của công nghệ trong bảo tồn ngôn ngữ. Dầu vậy, khoảng cách giữa tư tưởng và thực hành vẫn còn rộng. Việc thiếu một chiến lược tổng thể để kết nối ba trụ cột giáo dục - công nghệ - cộng đồng khiến nhiều chính sách mới chỉ dừng ở quy mô thí điểm. Nhu cầu đặt ra là cần nhìn nhận ngôn ngữ bản địa không chỉ như một biểu tượng văn hóa mà còn là nguồn lực phát triển xã hội, khả năng thúc đẩy công bằng tri thức, bình đẳng văn hóa và phát triển bền vững.

Từ những phân tích và đánh giá trên, có thể thấy tiến trình chính sách ngôn ngữ ở châu Phi đang bước sang giai đoạn xem xét và hoàn thiện. Có thể thấy rằng, hai thập niên đầu thế kỷ XXI đã chứng kiến những bước chuyển sâu sắc trong tư duy và thực tiễn chính sách ngôn ngữ ở châu Phi. Từ chỗ bị xem là di sản văn hóa cần bảo tồn một cách thụ động, ngôn ngữ bản địa ngày nay đã trở thành yếu tố cấu thành của phát triển bền vững, gắn liền với quyền văn hóa, quyền giáo dục và năng lực tự chủ tri thức của các cộng đồng. Tiến trình này không chỉ là sự thay đổi về kỹ thuật quản lý ngôn ngữ, mà còn là một quá trình điều chỉnh quyền lực trong bối cảnh hậu thuộc địa, nơi tiếng mẹ đẻ được khôi phục vị thế trong không gian công, giáo dục và công nghệ. Nhìn lại toàn bộ quá trình, có thể thấy

chính sách bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi diễn ra theo ba giai đoạn: (1) khởi động thể chế hóa (2000 - 2010); (2) mở rộng và đa ngữ bền vững (2010 - 2020); và (3) chuyển đổi số cùng xã hội hóa chính sách (từ 2020 đến nay). Ở giai đoạn đầu, các quốc gia chủ yếu khẳng định quyền ngôn ngữ trên phương diện pháp lý, thiết lập nền tảng thể chế thông qua các hiến pháp và khung chính sách quốc gia. Giai đoạn kế tiếp chứng kiến sự mở rộng mạnh mẽ trong giáo dục đa ngữ và truyền thông công, đồng thời gắn kết chính sách ngôn ngữ với SDGs. Đến giai đoạn hiện nay, trọng tâm chuyển sang chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và huy động sức mạnh cộng đồng, tạo nên mạng lưới đa tầng giữa nhà nước - học giả - xã hội dân sự - doanh nghiệp sáng tạo.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu vẫn tồn tại những nghịch lý mang tính cấu trúc. Sự phân tầng ngôn ngữ tiếp tục duy trì trật tự quyền lực hậu thuộc địa, khi tiếng Anh, Pháp, Bồ Đào Nha vẫn chi phối hệ thống giáo dục và hành chính, trong khi tiếng bản địa chủ yếu hiện diện ở cấp cơ sở. Nhiều chính sách vẫn mang tính “biểu tượng”, thiếu cơ chế giám sát, thiếu ngân sách và thiếu nhân lực song ngữ được đào tạo bài bản (Bamgbose, 2011; UNESCO, 2020). Khoảng cách giữa hoạch định và thực thi chính là điểm yếu căn bản khiến nhiều sáng kiến không đạt được hiệu quả mong muốn. Ngoài ra, việc thiếu phối hợp liên ngành giữa giáo dục với công nghệ, văn hóa và truyền thông khiến tiếng bản địa khó trở thành công cụ thực sự trong đời sống công và không gian số.

Mặc dù còn những giới hạn, xu thế hiện nay cho thấy châu Phi đang chuyển từ tư duy bảo tồn sang tư duy phát triển ngôn ngữ, coi tiếng mẹ đẻ không chỉ là biểu tượng bản sắc mà còn là nguồn lực tri thức và kinh tế sáng tạo. Sự trỗi dậy của công nghệ số và mạng lưới học giả - cộng đồng - tổ chức phi chính phủ đã mở ra khả năng “dân chủ hóa ngôn ngữ”, giúp các cộng đồng nhỏ có tiếng nói và không gian thể hiện bản sắc trên nền tảng toàn cầu. Điều này đặc biệt quan trọng khi ngôn ngữ không còn chỉ gắn với địa lý, mà còn với sự hiện diện kỹ thuật số và quyền tham gia vào không gian tri thức toàn cầu.

Từ thực tiễn đó, bài viết rút ra một số hàm ý chính sách có giá trị tham chiếu cho các quốc gia đa ngữ ở khu vực Á - Phi nói chung:

*Thứ nhất*, cần chuyển trọng tâm từ “bảo tồn di sản” sang “quản trị ngôn ngữ”, tức là coi tiếng bản địa là thành tố của phát triển xã hội chứ không chỉ là di sản văn hóa.

*Thứ hai*, phải xây dựng khung pháp lý và tài chính liên ngành, bảo đảm sự phối hợp giữa giáo dục, công nghệ, truyền thông và quản trị địa phương.

*Thứ ba*, khuyến khích mô hình “cộng đồng làm trung tâm” để người nói tiếng bản địa trở thành chủ thể chính sách, đồng sáng tạo và giám sát quá trình thực thi.

*Thứ tư*, đẩy mạnh số hóa ngôn ngữ, tạo kho ngữ liệu mở và hạ tầng công nghệ giúp tiếng bản địa hiện diện trong các hệ thống AI, dịch tự động và công nghệ giáo dục.

*Cuối cùng*, coi ngôn ngữ như công cụ của công bằng tri thức (epistemic justice), một nền tảng cho phát triển bền vững, bình đẳng và đa dạng văn hóa thực chất.

## Kết luận

Quá trình thể chế hóa và phát triển chính sách ngôn ngữ ở châu Phi không chỉ là một nỗ lực gìn giữ văn hóa mà còn là một hành trình khẳng định quyền tự chủ trong diễn ngôn và bản sắc trí tuệ của châu lục trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Bài học rút ra từ châu Phi cho thấy: chỉ khi ngôn ngữ bản địa được đặt vào trung tâm của chiến lược phát triển thì quá trình hiện đại hóa mới thực sự trở thành một chiến lược bao trùm, nơi tri thức, bản sắc và công bằng xã hội cùng tồn tại trong sự tương hỗ.

## Ghi chú

Bài viết là kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025: “Vấn đề bảo tồn ngôn ngữ bản địa ở châu Phi và hàm ý cho Việt Nam”, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi là tổ chức chủ trì.

## Tài liệu tham khảo

1. Adegbola, T (2020). *African Languages Technology Initiative: Empowering African Languages through Technology*. Lagos, Nigeria: ALT-i. <https://alt-i.org>. Ngày truy cập 12/7/2025.
2. African Union (2000). *Bamako Declaration on the Promotion of African Languages and Linguistic Diversity*. Bamako, Mali: African Union/UNESCO. <https://au.int/en/documents/20000317/bamako-declaration>. Ngày truy cập 10/7/2025.
3. Bamgbose, A (2011). *African Languages Today: The Challenge of and Prospects for Empowerment under Globalization*. Cape Town: CASAS Book Series.
4. Benson, C., & Kosonen, K. (Eds.) (2013). *Language Issues in Comparative Education: Inclusive Teaching and Learning in Non-Dominant Languages and Cultures*. Rotterdam: Sense Publishers.
5. Bird, S (2020). *Decolonising Speech and Language Technology: Lessons from African Languages*. Proceedings of the 12th Language Resources and Evaluation Conference (LREC 2020). Marseille, France: European Language Resources Association. <https://aclanthology.org/2020.lrec-1.211>. Ngày truy cập 03/7/2025.
6. Department of Basic Education (2014). *Incremental Introduction of African Languages (IIAL) Policy*. Pretoria: Republic of South Africa. <https://www.education.gov.za>. Ngày truy cập 01/7/2025.
7. Grenoble, L. A., & Whaley, L. J (2006). *Saving Languages: An Introduction to Language Revitalization*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Heugh, K., Benson, C., Bogale, B., & Yohannes, M. A. G (2007). *Final Report: Study on Medium of Instruction in Primary Schools in Ethiopia*. Addis Ababa: Ministry of Education & GTZ.

9. Lanza, E., & Woldemariam, H (2009). Language Ideologies and Media Discourse in Ethiopia. *Journal of Sociolinguistics*, 13(6), 710-733. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9841.2009.00434.x>. Ngày truy cập 02/7/2025.
10. Mazrui, A. A., & Mazrui, A. M (1998). *The Power of Babel: Language and Governance in the African Experience*. Oxford: James Currey.
11. Simons, G. F., & Lewis, M. P (2018). *Ethnologue: Languages of the World* (21st ed.). Dallas, TX: SIL International. từ <https://www.ethnologue.com>. Ngày truy cập 01/7/2025.
12. Trudell, B (2016). *Language Development and Education in Africa: The Role of the African Storybook Project*. *International Review of Education*, 62(5), 635-653. <https://doi.org/10.1007/s11159-016-9585-9>. Ngày truy cập 01/7/2025.
13. UNESCO (2003). *Education in a Multilingual World*. Paris: UNESCO Publishing. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000129728>. Ngày truy cập 05/7/2025.
14. UNESCO (2006). *Global Monitoring Report 2006: Literacy for Life*. Paris: UNESCO.
15. UNESCO (2016). *If You Don't Understand, How Can You Learn? Global Education Monitoring Report Policy Paper 24*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000243728>. Ngày truy cập 12/7/2025.
16. UNESCO (2020). *Global Education Monitoring Report 2020: Inclusion and Education - All Means All*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000373718>. Ngày truy cập 08/7/2025.
17. Yoruba Academy (2018). *Annual Report on Yoruba Language and Cultural Development*. Ibadan, Nigeria: Yoruba Academy Press.